

TƯ DUY VÀ LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN QUANG HUNG^(*)

Nghiên cứu lối sống và đặc điểm tư duy của người Việt nói chung, người Công giáo Việt Nam nói riêng, là một đề tài thú vị nhưng còn hoàn toàn mới mẻ. Cả trong và ngoài nước, hiện chưa có những nghiên cứu cụ thể về đề tài này⁽¹⁾. Tư duy và lối sống con người không chỉ phụ thuộc vào văn hóa và tôn giáo, mà còn phụ thuộc vào nghề nghiệp, môi trường giáo dục, học vấn, các nhóm xã hội, vùng miền, v.v... Để định hình rõ nét về đặc điểm tư duy và lối sống của người Công giáo Việt Nam cần có những điều tra, khảo sát cụ thể với nhiều đối tượng nghề nghiệp, chức sắc trong cộng đồng người Kitô hữu.

Mặc dầu vậy, bài viết mạnh dạn phác thảo đặc điểm tư duy và lối sống của người Công giáo Việt Nam. Đây chỉ là những nhận định ban đầu, cần được bổ sung thêm những kết quả nghiên cứu tiếp theo đối với các đối tượng cụ thể để chúng ta có cách nhìn toàn diện hơn các vấn đề.

Đặc điểm tư duy của một dân tộc, một cộng đồng người thường được hình thành trong quá trình dân tộc, cộng đồng người đó đúc kết kinh nghiệm từ cuộc sống trong hoàn cảnh lịch sử và không gian văn hóa cụ thể. Hegel từng

nhấn mạnh đó là sản phẩm của tiến trình lịch sử phát triển của dân tộc, cộng đồng người đó⁽²⁾. Không phải ngay từ đầu, khi Công giáo du nhập thì người Công giáo Việt Nam đã hình thành được lối tư duy riêng của mình. Phải trải qua nhiều thế kỉ thăng trầm của lịch sử truyền giáo trong môi trường xã hội mang bản sắc của văn hóa Á Đông, dần dần người Công giáo Việt Nam mới hình thành được lối suy nghĩ vừa tương đồng với những đồng bào của mình, vừa có những nét độc đáo riêng.

Công giáo được du nhập vào Việt Nam từ thế kỉ XVI. Sự du nhập của tôn giáo mới có nguồn gốc từ Phương Tây này đã

*. PGS. TS., Khoa Triết học, Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Tháng 3/2009, Câu lạc bộ Phao lô Nguyễn Văn Bình và Viện Triết học tổ chức tọa đàm về vấn đề này. Có lẽ đây là lần đầu tiên đề tài này được đưa ra bàn luận tại một cuộc tọa đàm. Nhiều ý kiến cũng đã chỉ ra một số điểm trong cách tư duy của người Việt và những bất cập của lối tư duy đó trước nhu cầu hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những nhận định ban đầu, cần có những nghiên cứu cụ thể đối với từng đối tượng, nghề nghiệp, tôn giáo, v.v... Hơn nữa, không chỉ nêu những điểm "xấu xí" mà cũng cần chỉ ra những điểm tích cực trong cách tư duy truyền thống của người Việt.

2. Xem: G.W.F. Hegel. *Grundlinien der Philosophie des Rechts*. Trong: G.W.F. Hegel. *Hauptwerke in sechs Bänden*. Band 5. Felix Meiner Verlag, Hamburg, 1995, S. 16.

góp phần thúc đẩy phát triển thương mại giữa Việt Nam và Châu Âu, đồng thời khởi đầu quá trình giao lưu văn hóa-tư tưởng Đông - Tây ở Việt Nam. Công giáo mang tới cho người Việt chữ Quốc ngữ, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, từ văn học, hội họa, âm nhạc tới kiến trúc, v.v... Những đóng góp đó của người Công giáo Việt Nam đã trở thành một bộ phận cấu thành của văn hóa Việt Nam. Hiện nay, với trên 6 triệu người, Công giáo hiện là tôn giáo lớn thứ hai, đứng sau Phật giáo xét về số lượng tín đồ. Tuy nhiên, tầm ảnh hưởng của Công giáo đối với xã hội Việt Nam vượt xa khuôn khổ của một tôn giáo mà số tín đồ còn là một thiếu số. Giáo hội Công giáo tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới tiến trình lịch sử Việt Nam từ hơn hai thế kỷ qua.

Nói tới những lí do Công giáo có thể bám rễ vào xã hội Việt Nam, điều cần lưu ý là Công giáo được du nhập trong bối cảnh xã hội Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng cả về chính trị-xã hội và văn hóa tinh thần. Đó là sự chia cắt đất nước, chiến tranh kéo dài, sự suy yếu của các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Đạo đức-xã hội suy đồi trước thế lực đồng tiền. Một xã hội mà như Nguyễn Bỉnh Khiêm mô tả "còn tiền, còn bạc còn đệ tử. Hết cơm, hết rượu hết ông tôi". Các chúa Trịnh và chúa Nguyễn, một mặt, không ưa tôn giáo mới bởi những khác biệt trong quan niệm về lễ nghi và giá trị xã hội giữa tôn giáo mới này với văn hóa Việt Nam truyền thống. Nhưng mặt khác, các chúa Trịnh và chúa Nguyễn lại muốn giao lưu thương mại với Phương Tây để mua vũ khí phục vụ chiến tranh,

coi sự hiện diện của các thừa sai Châu Âu trên đất Việt Nam như một "bảo chứng" cho sự tiếp tục giao lưu thương mại đó⁽³⁾.

Tuy nhiên, nói tới những lí do Công giáo có thể bám rễ trong xã hội Việt Nam còn phải đề cập tới cái gọi là "khoảng trống tâm linh" của người Việt. Như nhận xét của Harry Benda, "một điều thú vị là nước Việt Nam nông nghiệp đã phô bày "khoảng trống tôn giáo" sau nhiều thế kỷ cho tới hiện nay, cho phép vô số tín ngưỡng, tôn giáo có thừa mọc lên như nấm và một số lượng lớn các tu sĩ"⁽⁴⁾. "Khoảng trống tâm linh" được hiểu theo nghĩa người Việt vì không nhiệt tín với tôn giáo nào, nên không gặp khó khăn tiếp nhận một tôn giáo mới. "Khoảng trống tâm linh" này hình thành, *thứ nhất*, do nguồn gốc ngoại lai của cả Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo; *thứ hai*, do bản chất khoan dung, khiến chúng không tồn tại biệt lập, mà dung thông với nhau. Điều đó tạo nên điểm nổi bật, như Trần Trọng Kim nhận xét, là người Việt thích cúng bái, nhưng không nhiệt tín với riêng một tôn giáo nào. Cùng với những tiền đề xã hội và văn hóa kể trên, sự tồn tại "khoảng trống

3. Xem: Nguyễn Quang Hưng. *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802-1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007.

4. Harry Benda. *The Structure of Southeast Asian History: Some Preliminary Observations*. Trong: *Continuity and Change in Southeast Asia*. Collected Journal Articles of Harry Benda. Yale University Southeast Asia Studies Monograph Series No. 18. New Heaven, 1972, tr. 132. Điều thú vị là khi phân tích về điều kiện cho sự du nhập của Kitô giáo ở Hàn Quốc, nhiều học giả cũng đề cập tới cái 'khoảng trống tâm linh'. Công giáo được du nhập vào Hàn Quốc vào cuối thế kỷ XVIII khi triều đại Choson suy yếu, khủng hoảng cả về chính trị-xã hội và văn hóa tinh thần.

tâm linh" này góp phần để Công giáo có thể bám rễ vào xã hội Việt Nam.

Cùng sinh ra, lớn lên trong môi trường, hoàn cảnh như vậy, người Công giáo Việt Nam có nhiều tương đồng với lối suy nghĩ của người Việt nói chung. Là người Việt Nam, họ không làm mất cái bản sắc văn hóa Việt Nam, dù ở đâu, vẫn có những suy nghĩ, phong cách tư duy chung của người Việt.

So sánh với người Đức, lối suy nghĩ của người Việt, rất khác biệt, trong nhiều trường hợp, trái ngược với người Đức. Người Đức thì mang phong cách làm việc duy lý "dienst ist dienst, schnaps ist schnaps" (công việc là công việc, rượu là rượu) vào cuộc sống thường ngày, cả khi chơi họ vẫn rất lí trí. Người Việt lại đưa phong cách sống thường ngày của mình vào trong công việc, cả ở cơ quan, công sở, họ vẫn xen giữa lí trí và tình cảm. Người Đức thiên về tư duy logic, có hệ thống và bài bản, nhìn mọi vật trong một tổng thể, còn người Việt thiên về lối suy nghĩ cục bộ, để ý tới những tiểu tiết. Người Đức coi trọng nguyên tắc, còn người Việt lại trọng cái ngoại lệ, như họ vẫn nói "tùy cơ ứng biến". Người Đức thiên về tư duy công nghiệp, tư duy của nền sản xuất lớn, thường đặt những kế hoạch chiến lược dài hạn, còn người Việt phổ biến lối tư duy sản xuất nhỏ, mang tính chiến thuật, có đặt kế hoạch thì thường chỉ ngắn hạn. Dưới cách nhìn của người Việt, người Đức tư duy nguyên tắc tới mức máy móc, khô cứng. Trong khi đó, người Đức cũng không hiểu nổi cái lối suy nghĩ quá uyển chuyển, tùy thuộc vào

tình huống tới mức không coi trọng tính nguyên tắc của người Việt. Người Đức thường có triết lí rõ ràng trong hành động, còn người Việt thì theo phương châm "trăm hay không bằng tay quen", coi nhẹ những vấn đề lí luận.

Lối tư duy đó của người Việt, theo Giáo sư Hà Văn Tấn, có căn nguyên lịch sử của nó. Do đặc điểm của lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, phân công lao động xã hội ở Việt Nam không triệt để. Cha ông ta không có điều kiện phát triển khoa học. "Những đặc điểm của lịch sử Việt Nam đã quy định các đặc điểm của tư duy-tư tưởng Việt Nam. Trong một lịch sử, dường như là tất cả tinh lực của dân tộc đã dồn (...) cho việc bảo vệ sự sống còn của mình (...) Tư tưởng Việt Nam không phải chỉ có tư tưởng yêu nước (...) Nhưng phải thừa nhận rằng chủ nghĩa yêu nước là một kết tinh quan trọng và chủ yếu của lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam (...) Phần lớn các giá trị tư tưởng Việt Nam là gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, hay nói một cách khác, mọi giá trị được xem xét qua thái độ, quan niệm đối với sự tồn vong của dân tộc"⁽⁵⁾. Điều kiện đó cũng cho thấy một thực tế là "tổ tiên ta ít làm lí luận. Không phải không có nhưng rất ít. Có hai khoa học có được ít nhiều đúc kết về mặt lí luận là quân sự và y học. Thật dễ hiểu, quân sự học được tổng kết vì nó gắn liền với sự sống còn của dân tộc, và y học được tổng kết vì nó gắn liền với sự sống của con người. Còn làm triết học với nghĩa tư duy trừu tượng khái quát thì

5. Hà Văn Tấn. *Mấy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam, về tư tưởng Việt Nam*. Trong: *Một số vấn đề lí luận về lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Hà Nội, 1984, tr. 29.

quả là hiếm. Đường như chúng ta chỉ có những nhà triết học “tay trái”⁽⁶⁾.

Do cùng chung sống trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, người Công giáo cũng chia sẻ với lối suy nghĩ chung đó như bao người Việt Nam khác. Lối tư duy cục bộ, địa phương bị chi phối bởi phong tục làng xã “trống làng nào làng đó đánh, thánh làng nào làng đó thờ” ảnh hưởng tới cả người Công giáo và người ngoài Công giáo. Dù tổ chức Giáo hội chặt chẽ, nhưng người Công giáo Việt Nam ít nhiều vẫn bị ảnh hưởng bởi lối suy nghĩ dân chủ làng xã “phép vua thua lệ làng”. Luân chuyển các cha xứ vốn là một hoạt động lệ thường của Giáo hội, nhưng vẫn có trường hợp, người dân xứ đạo có những hình thức phản kháng khác nhau khi Bề trên cử một cha xứ nào đó về xứ đạo của họ mà không hợp với ý họ. Bên cạnh đó, có sự khác biệt trong lối tư duy của người Công giáo Việt Nam: *Nhìn chung, người Công giáo Việt Nam suy nghĩ, tư duy ở một mức độ nhất định duy lí hơn, thực chứng hơn so với những người Việt ngoài Công giáo*. Có hai lí do.

Thứ nhất, hệ thống thần học và giáo lí của Kitô giáo khác với các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Khác với người ngoài Công giáo, người Công giáo sùng đạo, sống thực với đạo, được giáo dục, làm quen với giáo lí thần học từ nhỏ. Trong khi người ngoài Công giáo chịu ảnh hưởng của Nho-Phật-Đạo, lảng tránh vấn đề vũ trụ này do đâu mà có, thì người Công giáo có chính kiến rõ ràng về vấn đề sáng thế. Kinh Thánh dạy họ, thế giới được Thiên Chúa sáng tạo ra trong 6 ngày. Adam và Eva, tổ tiên loài

người, được Chúa tạo ra ở ngày thứ sáu. Trong khi người ngoài Công giáo thiên về đa thần giáo, ít nhiệt tín với tôn giáo nào, thì người Công giáo chỉ thờ duy nhất Đức Chúa Ba Ngôi. Điều răn thứ nhất quy định: “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta” (Xh 20:2-3). Trong kinh Tân Ước, Đức Giêsu Kitô cũng nhắc lại những điều đó: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn quan trọng nhất và là điều răn thứ nhất” (Mt 22: 37-38). Điều răn này khẳng định Kitô giáo là tôn giáo độc thần (Monotheism) khác với nhiều tôn giáo Á Đông thiên về đa thần giáo (Polytheism). Người Công giáo phân biệt giữa thờ và kính. Thờ duy nhất Đức Giêsu Kitô, còn lại là kính Đức Mẹ, kính Tổ Tiên, kính các vị thánh tử đạo. Vị thế của Đức Mẹ, Tổ Tiên, các vị thánh tử đạo, v.v... không thể ngang bằng với Đức Kitô⁽⁷⁾.

Quan hệ giữa thần và người trong quan niệm của người Công giáo cũng khác với người ngoài Công giáo. Trong khi người Việt truyền thống thừa nhận sự can dự của thế giới siêu nhiên vào cuộc sống hàng ngày của mình (mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên), nhưng quan niệm về bản chất của thế giới siêu nhiên này vẫn có điểm mơ hồ, thì người Công giáo có quan niệm rõ ràng về thế giới trần thế và siêu trần thế, về cuộc đời của

6. Hà Văn Tấn. *Mấy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam, về tư tưởng Việt Nam*, Sđd., tr. 29.

7. Người Công giáo Việt Nam có lẽ do ảnh hưởng của đạo Mẫu, đặc biệt sùng kính Đức Mẹ.

con người sau khi chết. Với người ngoài Công giáo, linh hồn người chết vẫn dẫu đó quanh đây, có thể ban ơn hoặc trừng phạt người sống tùy thuộc vào thái độ của người sống đối với những người đã khuất, ranh giới giữa thần và người mang tính tương đối. Còn theo người Công giáo, sự chết chỉ là về thể xác, linh hồn con người ở giai đoạn luyện ngục, ranh giới rõ ràng giữa thần và người. Được lên Thiên Đàng với Chúa sớm hay muộn tùy thuộc vào tu đức của người đó lúc còn sống. Rồi đến ngày phán quyết cuối cùng, Đức Chúa phán quyết ai lên Thiên Đàng, ai phải xuống Địa Ngục.

Như vậy, do sự khác biệt về thần học và giáo lý của Kitô giáo, ngay trong đời sống tâm linh của mình, người Công giáo cũng duy lý hơn, có quan điểm rõ ràng hơn về các vấn đề cốt lõi thế giới quan và nhân sinh quan so với người Việt ngoài Công giáo.

Thứ hai, Công giáo được du nhập vào Việt Nam là "Công giáo Châu Âu", chịu ảnh hưởng của văn hóa Châu Âu có truyền thống phát triển tư duy duy lý và khoa học kỹ thuật. Sự khác biệt trong lối suy nghĩ giữa người Châu Âu và người Á Đông hình thành từ thời cổ đại. Ở Châu Âu, Aristot có thể nói "Platôn là người thầy của tôi, nhưng chân lý quý hơn". Qua đó, Aristot thể hiện quan điểm rõ ràng là tuy trân trọng những di sản của người thầy, nhưng vẫn khẳng định vị thế sáng tạo độc lập của mình. Ở Á Đông, một học trò nói như vậy có thể bị coi là "bất hiếu". Nếu ta lấy truyền thống "tôn sư trọng đạo", "nhất tự vi sư, bán tự vi sư" làm tiêu chí thì không thể chấp nhận. R.

Descartes, người từng nói "kết quả duy nhất mà tôi có được từ những năm tháng học phổ thông là làm tôi dốt thêm". Từ góc độ truyền thống, ta cũng khó chấp nhận những lời lẽ phê phán của C. Mác đối với những người thầy của ông như G.W.F. Hegel, L. Feuerbach bởi chúng nặng nề.

Điều đó xuất phát từ sự khác nhau giữa văn hóa Tây Phương và văn hóa Á Đông trong quan niệm về thầy - trò. Bên cạnh đó, ở một mức độ nhất định còn là sự khác biệt giữa lối suy nghĩ thực chứng của người Âu Châu với minh triết của người Á Đông. Trong khi người Phương Tây phân biệt rõ ràng giữa kinh nghiệm, tình cảm với tư duy duy lý, thì người Việt thường nhấn mạnh tính tương đối trong ranh giới giữa kinh nghiệm và tư duy lý luận. Ranh giới giữa các loại hình tư duy ở nhiều người Việt "mờ nhạt" tới mức khó có thể phân biệt loại hình này với loại hình kia. Với phương châm "có lý, có tình", thậm chí "một trăm cái lý không bằng một tí cái tình", nhiều người Việt càng không dễ xếp loại hình tư duy này cao hơn loại hình tư duy kia.

Tiếp nhận Công giáo từ các thừa sai Châu Âu qua nhiều thế kỷ, người Công giáo Việt Nam kế thừa cả lối suy nghĩ, tư duy thực chứng, duy lý của nền khoa học và kỹ thuật Châu Âu. Cả khi hàng giáo phẩm Việt Nam được thành lập, việc đảm trách giáo hội chuyển cho người bản xứ thì quá trình hình thành lối tư duy thực chứng và duy lý trên vẫn không bị gián đoạn bởi nhiều chức sắc và giáo dân vẫn có cơ hội tiếp nhận nền đào tạo Tây học.

Đặc điểm tư duy trên của có quan hệ chặt chẽ với lối sống của người Công giáo Việt Nam. Điều dễ nhận thấy là *người Công giáo Việt Nam sùng đạo, mang tính tổ chức và kỉ luật cao, tương đối khép kín, biệt lập với cộng đồng người Việt còn lại.*

Sự sùng đạo của người Công giáo xuất phát từ chỗ Công giáo là tôn giáo độc thần. Trong khi người ngoài Công giáo thiên về đa thần giáo, hôm nay đi chùa thờ Phật, nhưng ngày mai lại tới đền thờ thánh, thì người Công giáo chỉ thờ một vị thần duy nhất là Đức Giêsu Kitô. Trong khi người ngoài Công giáo đi đền chùa, nhưng chủ yếu là cầu những điều trong cuộc sống hàng ngày, những điều hoàn toàn mang tính trần thế, thì đa phần người Công giáo thực tâm sống với đạo, với đức tin của họ. Đây là điểm người ngoài Công giáo cần lưu ý, tránh có những lời nói, hành vi dễ gây tổn thương tình cảm tôn giáo của đồng bào mình.

Tính tổ chức và kỉ luật của người Công giáo Việt Nam có nhiều nguyên nhân. *Một là*, do đặc thù của tổ chức Giáo hội Công giáo. Công giáo là tôn giáo duy nhất có Giáo hội hoàn vũ, Tòa Thánh Vatican, có tổ chức giáo hội chặt chẽ từ trung ương tới địa phương theo nguyên tắc hội kín đứng đầu là Đức Giáo hoàng. Công giáo có cả một nền thần học mà ít có một nền thần học nào khác có hệ thống và phát triển như vậy. Tín đồ vi phạm giáo luật bị các hình thức kỉ luật khác nhau, cao nhất là rút phép thông công. Vatican còn là nhà nước, có quan hệ ngoại giao với hàng trăm quốc gia. Tổ chức của Giáo hội Công giáo song song với tổ chức hành chính của của nhiều quốc gia.

Thế giới	Tòa thánh Vatican
Các quốc gia	Hội đồng Giám mục*
Tỉnh, bang	Giáo phận, địa phận
Huyện, quận	Giáo hạt*
Xã, phường	Giáo xứ
Thôn, xóm, làng*	Họ đạo*

Chú thích: * Không phải là những đơn vị chính thức.

Theo giáo luật, Giáo hoàng là người đứng đầu Giáo hội, đồng thời là người đứng đầu nhà nước Vatican và là Tổng Giám mục Giáo phận Roma. Thay mặt tổ chức Giáo hội ở mỗi quốc gia là Hội đồng Giám mục. Chủ tịch Hội đồng Giám mục được bầu theo nhiệm kì. Mỗi địa phận (giáo phận) có giám mục cai quản. Mỗi giáo xứ có linh mục cai quản. Nếu như xã, phường là đơn vị hành chính thấp nhất thì giáo xứ cũng là đơn vị cơ sở của Giáo hội Công giáo. Giáo hội Công giáo có hệ thống truyền thông riêng, độc lập không chịu sự kiểm duyệt bởi sự quản lí của nhà nước. Với cơ cấu tổ chức trên đây, Giáo hội Công giáo hoạt động tương đối độc lập với tổ chức hành chính của nhiều quốc gia. Đây là kết quả của sự vận động lịch sử nhiều nước Châu Âu sau thời Trung cổ, đi từ chỗ lấy Kitô giáo làm quốc giáo tới chỗ xây dựng nhà nước thế tục, thực hiện luật phân li giữa nhà nước và giáo hội, thế quyền và thần quyền.

Hai là, ở Việt Nam, vì nhiều lí do khách quan và chủ quan quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội còn là một vấn đề. Người Công giáo Việt Nam tương đối biệt lập, khép kín hơn so với người Công giáo ở nhiều nước khác bởi đặc thù của lịch sử truyền giáo nơi đây. Về phương diện văn hóa-xã hội, ngay từ khi mới du

nhập, bởi sự khác biệt giữa văn hóa Châu Âu Kitô giáo với văn hóa Á Đông, người Công giáo Việt Nam trong nhiều trường hợp đã bị đồng bào của mình, thậm chí người thân của mình xa lánh. Về phương diện chính trị-xã hội, sự du nhập Công giáo đòi hỏi những thay đổi tương ứng trong quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội ở Việt Nam bởi sự khác biệt của Công giáo với các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống không chỉ về đức tin, văn hóa mà còn về thể chế tổ chức giáo hội. Một trong những nguyên nhân dẫn tới các cuộc cấm đạo dưới triều Nguyễn là do mô hình Nho giáo là quốc giáo không chấp nhận thực tế khách quan đó.

Người Công giáo Việt Nam có *quan niệm khá rõ ràng về ý nghĩa cuộc sống cũng như các giá trị đạo đức-xã hội*. Điều này nằm trong giáo lý của Kitô giáo. Cũng như các tôn giáo lớn khác, Kitô giáo có tính hướng thiện. Trong số 10 điều răn, thảo kính cha mẹ là điều răn thứ 4. Các điều răn tiếp theo của người Công giáo quy định “Người chớ giết người”, “Người chớ phạm tội tà dâm”, “Người chớ trộm cướp”, “Người không được làm chứng gian hại người”, “Người không được ham muốn nhà người ta, người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta” (Xh. 20:12-17). Được

giáo dục giáo lý từ nhỏ cùng với thuyết pháp, làm gương của các vị chủ chăn, những răn dạy trên có tác động rất lớn tới suy nghĩ và cách hành xử hàng ngày của người Công giáo.

Một điểm cũng dễ nhận thấy là người Công giáo kết hôn chủ yếu với người cùng tôn giáo tuy rằng những năm gần đây ngày càng có nhiều người Công giáo kết hôn với người ngoài Công giáo. Người Công giáo có điểm chung là chung thủy trong hôn nhân. Phúc Âm có ghi: “Cái gì mà Chúa gắn kết thì con người không được phép phân li” (Mc, 10, 5-9).

Trên đây là một số phác thảo về đặc điểm tư duy và lối sống của người Công giáo Việt Nam. Cần lưu ý rằng, đặc điểm tư duy và lối sống của một cộng đồng người nói chung, của người Công giáo Việt Nam nói riêng, không phải là một phạm trù bất biến, mà thay đổi trong tiến trình lịch sử. Bài viết mới chỉ đưa ra một số nhận định sơ bộ, ban đầu. Người Công giáo Việt Nam có mặt ở hầu hết các tỉnh thành. Hi vọng trong tương lai có những nghiên cứu tiếp theo đối với từng đối tượng cụ thể như chức sắc và tín đồ, so sánh giữa các vùng miền, nghề nghiệp, v.v... để chúng ta có cách nhìn khách quan và đầy đủ hơn về người Công giáo Việt Nam. /.